

Nguyễn Công Trứ: nhân vật kiệt xuất của Việt Nam thời kỳ cuối thế kỷ XVIII đến nửa đầu thế kỷ XIX

Tự hào trường mang tên Nguyễn Công Trứ: nhân vật kiệt xuất của Việt Nam thời kỳ cuối thế kỷ XVIII đến nửa đầu thế kỷ XIX

Nguyễn Công Trứ: nhân vật kiệt xuất của Việt Nam thời kỳ cuối thế kỷ XVIII đến nửa đầu thế kỷ XIX

Thân thế, sự nghiệp

1, Nguyễn Công Trứ tên tục là Củng, tự là Tồn Chất, hiệu là Ngộ Trai, biệt hiệu là Hy Văn, sinh ngày 01 tháng 11 năm Mậu Tuất, niên hiệu Cảnh Hưng thứ 39, tức ngày 19 tháng 12 năm 1778; người làng Uy Viễn, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh. Cha là Nguyễn Công Tấn, đậu cử nhân năm hai mươi bốn tuổi, làm giáo thụ phủ Anh Sơn, Nghệ An, sau thăng làm tri huyện Quỳnh Côi, rồi tri phủ Tiên Hưng, Thái Bình. Khi quân đội Tây Sơn ra Bắc chiếm Thăng Long, Nguyễn Công Tấn xướng nghĩa cần vương chống lại, không thành, ông đưa gia đình về quê mở trường dạy học. Nguyễn Huệ mấy lần mời ra làm quan, ông đều từ chối

Sự nghiệp làm quan:

Nguyễn Công Trứ từ bé đã sống trong cảnh nghèo khổ. Khi nhà Nguyễn đang tích cực củng cố địa vị thống trị của mình, xã hội có vẻ ổn định, Nguyễn Công Trứ hăm hở đi học đi thi. Năm 1819, ông thi đậu Giải nguyên và được bổ đi làm quan. Bấy giờ ông đã bốn mươi mốt tuổi.

Năm 1820 Nguyễn Công Trứ giữ chức Hành tẩu ở Quốc sử quán. Sau đó ông liên tiếp giữ các chức Tri huyện Đường Hào, Hải Dương (1823), Tư nghiệp Quốc tử Giám (năm 1824), Phủ thừa phủ Thừa Thiên (1825), Tham tán quân vụ, rồi thăng Thị lang Bộ hình (năm 1826). Năm 1828, ông được thăng Hữu tham tri Bộ hình, sung chức Dinh điền sứ, chuyên coi việc khai khẩn đất hoang. Năm 1832, ông được bổ chức Bố Chánh sứ Hải Dương, cùng năm thăng Tham tri Bộ binh, giữ chức Tổng đốc tỉnh Hải An... Sau nhiều thăng giáng, năm 1845 Nguyễn Công Trứ làm Chủ sự Bộ hình, năm sau làm quyền Án sát Quảng Ngãi, rồi đổi ra làm Phủ thừa Phủ Thừa thiên, rồi năm 1847 ông thăng làm Phủ doãn phủ ấy. Cũng năm này, ông tròn bảy mươi tuổi, Nguyễn Công Trứ xin về hưu, nhưng Thiệu Trị không cho. Năm 1848, Tự Đức nguyên niên, ông được về hưu hẳn.

Trong một câu đối làm khảng cuối đời, Nguyễn Công Trứ tổng kết cuộc đời mình: *“Cũng may thay công đẳng hoả có là bao, theo đời nhờ phận lại nhờ duyên, quan trọng năm bảy thứ, quan ngoài tám chín phen, nào cờ nào quạt, nào mào nào đai, nào hèo hoa gươm bạc, nào võng tía dù xanh, mặt tài tình trong hội kiếm cung, khắp trời Nam bể Bắc cũng tung hoành, mùi thế trải qua ngần ấy đủ; Thôi quyết hẳn cuộc phong trần chi nữa tá, ngắt ngưỡng chẳng tiên mà chẳng tục, hầu gái một vài cô, hầu trai năm bảy cậu, này cờ này kiệu, này rượu này thơ, này đàn ngọt hát hay, này chè chuyên chén mẫu, tay thao lược ngoài vòng cương toả, lấy gió mát trăng trong làm tri thức, tuổi trời ít nữa ấy là hơn”*.

2. Cuộc đời Nguyễn Công Trứ là cuộc đời của một người say mê hoạt động. Lúc nào trong tâm khảm nhà thơ cũng hần lên một câu hỏi lớn:

“Đã mang tiếng ở trong trời đất,

Phải có danh gì với núi sông”.

Năm 1803, khi còn là thư sinh, Nguyễn Công Trứ đã dâng lên nhà vua Gia Long bản “ Thái Bình thập sách”, một cương lĩnh trị nước:

“Giữ lòng trung ái,

Chăm đạo dẫu con,

Phát triển nông trang,

*Trừ bỏ dị đoan,
Sửa đổi phong tục,
Thanh thải tham tàn,
Tiến cử tài đức,
Giữ nghiêm luật lệ”.*

Về sau, khi đỗ đạt, ra làm quan, “đem quách cả sở tồn làm sở dụng”, Nguyễn Công Trứ lao vào công việc một cách hăng say, không hề quản ngại gian lao, vất vả.

Trong cuộc đời làm quan của mình, Nguyễn Công Trứ đã làm hai việc đáng chú ý hơn cả là khai hoang và giúp triều đình “an dân”. Về “an dân”, Nguyễn Công Trứ có công làm yên những cuộc khởi nghĩa nông dân của Phan Bá Vành ở Nam Định, của Nùng Văn Vân ở Tuyên Quang, của Lê Duy Phương ở Thanh Hoá, hay cuộc tiểu phạt ở Quảng Yên... Nguyễn Công Trứ hết sức chăm lo cho cuộc sống đói nghèo của nông dân. Ông đề nghị “đặt nhà học” cho con em nhân dân được học hành... “đặt xã thương” ở các làng để quản lý thóc gạo, “khi nào giá cao thì bán, giá hạ thì mua, gặp lúc thủy hạn bất thường, đem thóc chiếu cấp cho từng người, năm nào được mùa sẽ theo số đã cấp thu lại để chứa trữ” (Sớ nói về năm quy ước trong làng; năm 1829). Ông tố cáo “cái hại cường hào làm cho đến nỗi con mất cha, vợ mất chồng, tính mệnh phải thiệt hại, tài sản phải sạch không” và đề nghị triều đình “trị tội rất nặng” (Sớ nói về tệ cường hào; năm 1828), v.v...

Trong những việc ông làm, có ích lợi thiết thực và to lớn cho nhân dân hơn cả là công cuộc khẩn hoang. Ông tâu xin nhà nước cấp tiền gạo để chiêu tập dân nghèo khai khẩn. Ông hướng dẫn nông dân khai phá một vùng đất đai rộng lớn ven biển thuộc các tỉnh Ninh Bình và Thái Bình, lập nên hai huyện Tiền Hải và Kim Sơn. Ông chỉ huy việc khai khẩn vùng đất ven bờ biển tỉnh Quảng Yên, Hải Dương... Nhân dân các vùng khai hoang rất biết ơn ông. Họ lập đền thờ ông ngay khi ông còn sống. Trong đền kỷ niệm công cuộc dinh điền ở làng Đông Quách, huyện Tiền Hải, Thái Bình, có câu đối về công lao của ông rất cảm động:

*“Đặc địa sinh từ, Đông Ấp nhất bách niên kỷ niệm,
Kinh thiên trụ thạch, Hồng Sơn thiên vạn cổ tể cao”*
(Trên đất dựng sinh từ, làng Đông Ấp trăm năm kỷ niệm,
Giữa trời trơ cột đá, ngọn Hồng Sơn muôn thừa sánh cao)

Nguyễn Công Trứ là một ông quan rất thanh liêm, chính trực. Thuở bé nghèo xác, lớn lên thi đỗ, làm quan, về già Nguyễn Công Trứ vẫn sống đạm bạc. ĐẠI NAM THỰC LỤC CHÍNH BIÊN ghi lại câu chuyện Nguyễn Công Trứ không chịu nhận tiền hối lộ của Phạm Nguyên Trung, Ngô Huy Phác, bắt giải cả hai người cùng tang vật sang Nam Định để xét xử về tội đi hối lộ. Thời gian làm Dinh điền sứ, ông nhận tiền gạo của nhà nước cấp cho dân nghèo làm vốn, số dư thừa Nguyễn Công Trứ đều đem nộp lại cho công khố. Cuối đời, Nguyễn Công Trứ còn làm một việc rất cảm động. Năm 1858, khi nghe tin Pháp đánh Đà Nẵng, ông đã tám mươi tuổi, nhà thơ vẫn dâng sớ lên vua, tha thiết xin được tòng quân đánh giặc: “ Dù tôi như cái màn, cái lọng rách cũng không nở tự nản chí. Còn chút hơi thở nào xin lên đường ngay”. Nguyễn Công Trứ mất ngày 14 tháng 11 năm Tự Đức thứ 12. Ông thọ 81 tuổi.

Suốt cuộc đời bốn phần năm thế kỷ của mình, Nguyễn Công Trứ đã làm nhiều việc, thâm tâm ông bao giờ cũng dính ninh rằng việc mình làm là “vì dân vì nước”:

*“ Một mình để vì dân vì nước,
Túi kinh luân, từ trước để nghìn sau...”*

Về thơ văn:

Nguyễn Công Trứ là nhà thơ có một vị trí đáng kể trong văn học Việt Nam. Thơ văn của ông mang màu sắc thời đại rõ rệt. Nhìn tổng quát thơ văn Nguyễn Công Trứ tập trung vào ba chủ đề chính:

1. Những bài thơ xoay quanh chí nam nhi.
2. Những bài thơ xoay quanh cảnh nghèo và thể thái nhân tình.
3. Những bài thơ xoay quanh triết lý hưởng lạc.

1. Chí nam nhi:

Đây chính là lý tưởng sống của nhà thơ Nguyễn Công Trứ khi còn đầu xanh tuổi trẻ. Nói về sự tồn tại của mình trong cuộc đời, Nguyễn Công Trứ viết:

“Thiên phú ngô, địa tái ngô

Thiên địa sinh ngô nguyên hữu ý”

Con người sinh ra là sự “hữu ý” của trời đất. Nguyễn Công Trứ không thể “tiêu lưng ba vạn sáu” được. Ông đặt vấn đề sống ở đời phải làm việc có ích:

“Đã mang tiếng ở trong trời đất,

Phải có danh gì với núi sông”

Nguyễn Công Trứ hay nói đến công danh:

“Tang bồng hồ thử nam nhi trái,

Cái công danh là cái nợ lằn”.

Quan niệm của ông sống trong xã hội phải chiếm lấy một địa vị để...làm việc “trí quân trạch dân”; công danh trong Nguyễn Công Trứ thường gắn liền quan niệm trung hiếu, quân thân:

“Đường trung hiếu, chữ quân thân là gánh vác”.

Trong bài thơ LUẬN KÊ SỸ ông nói rõ.

“Đem quách cả sở tồn làm sở dụng,

Trong lãng miếu ra tài lương đồng.

Ngoài biên thùy rạch mũi can tương,

Sĩ làm cho bách thế lưu phương,

Trước là sĩ sau là khanh tướng”

Nguyễn Công Trứ đằng sau ý thức về bổn phận, vai trò cá nhân cũng được đề cao:

“Cũng có lúc mưa tuôn sóng vỗ,

Chí những toan xẽ núi lấp sông

Làm nên đáng anh hùng đâu đấy tỏ”

Nguyễn Công Trứ cũng là một hồn thơ lạc quan, bay bổng. Sống trong hoàn cảnh nghèo khổ đến cay đắng mà ông vẫn tin tưởng:

“Còn trời, còn đất, còn non nước,

Có lẽ đâu ta mãi thế này”

Đi thi nhiều lần không đậu, ông vẫn không một chút bi quan, chán nản:

“Đã từng tắm gội ơn mưa móc,

Cũng phải xênh xang hội gió mây.

*Hãy quyết phen này xem thử đã,
Song còn tuổi trẻ chịu đâu ngay.”*

Ông tự tin ở mình, tự động viên: “Có tầng gian hiểm mình càng trí”. Ông viết lời châm ngôn: “Hữu chí sự cánh thành”.

Ưu điểm trong quan niệm chí nam nhi của Nguyễn Công Trứ là nó khẳng định một cách dứt khoát vai trò tích cực của con người trong xã hội. Những vần thơ đầy lạc quan tin tưởng của nhà thơ vang lên trong không khí xã hội triều Nguyễn, cho dù có hạn chế như thế nào, nó vẫn có ý nghĩa.

2, Cuộc sống nghèo khổ và thể thái nhân tình

Nguyễn Công Trứ là một người theo tinh thần Nho giáo tích cực, một ông quan thanh liêm, rất chú ý đến vấn đề nhân sinh và xã hội. Văn Thơ Nguyễn Công Trứ có ghi lại tình cảnh nghèo khổ của bản thân ông, cũng như của những nho sĩ đương thời:

*“ Kìa ai, bốn vách tường mo, ba gian nhà cỏ,
Đầu kèo một tạc vẽ sao, trước cửa nhện giăng màn gió.
Phên trúc ngăn nửa bếp nửa buồng
Ông nửa đựng đầu kê đầu đỗ.
Đầu giường tre mới dũi quanh co,
Góc tường đất trùn lên lổ nhổ,
Bóng nắng dọi trứng gà bên vách, thằng bé tri tro,
Hạt mưa soi hang chuột trong nhà, con mèo ngáp ngó,
Trong cũi lợn nằm gặm máng, đói chẳng muốn kêu,
Đầu giàn chuột lóc khua niêu, buồn thôi lại bỏ.
Ngày ba bữa vỗ bụng rau bịch bạch, quân tử ăn chẳng cần no,
Đêm năm canh an giấc ngáy kho kho,
đời thái bình cổng thường bỏ ngõ...”*

(Hàn

Nho phong vị phú)

Có lúc nhiều chua chát:

*“ Nói phô nghe cũng giỏi trai,
Vi nổi không tiền hoá dờ ngài ”*

Hay:

*“ Nợ có chết ai đâu, đòi mà chi, trả mà chi, cha cóc!
Trời để tao sống mãi, tiền cũng có, bạc cũng có, mẹ bò ”*

Trong cái nhìn khờ khạo, Nguyễn Công Trứ không muốn nói nhiều đến cái xấu, cái tiêu cực. Ông giải thích “người giỏi thường nghèo” hay “ vốn hể anh hùng mới có nghèo ”. Nhưng thiện chí của nhà thơ không được bù đắp lại, cuộc sống tàn bạo của xã hội vẫn liên tiếp tấn công ông, và phải mất một thời gian, nhà thơ mới nhìn ra được cái “thể thái nhân tình” của thời buổi ấy. Cảm xúc của nhà thơ về chủ đề này thấm đượm cái sâu sắc của một con người từng trải. Ông thấm thía tình cảnh của những người lép vế trong xã hội:

“ Ăn ở sao cho trải sự đời

Vừa lòng cũng khó há rằng chơi.
Nghe như chọc ruột tai làm điếc,
Giận đã cắn gan miệng mỉm cười ”
Ông thấy rõ đạo đức của bọn giàu có.
“ Khôn khéo chẳng qua thằng có của,
Yêu vì đâu đến đũa không nhà ”...

Quan lại trong triều cũng bắt tài, hại người:

“Tuổi tác càng già càng xộp xáp,
Ruột gan chẳng có có gai chông.”

Ông nhận thức thái thái nhân tình qua nhận thức về vai trò của đồng tiền, nó là thước đo mọi giá trị tình cảm, quan hệ, đánh đổ cả nhân nghĩa:

“Tiền tài hai chữ son khuyen ngược,
Nhân nghĩa đôi đường nước chảy xuôi ”.

Trong bài VỊNH TIỀN, nhà thơ hình dung ra đồng tiền như tóm thâu cả trời đất:

“ Đủ vuông tròn tượng đất tượng trời,
Khảm họa phúc nguy yên tử hoạt ”

Tác hại của đồng tiền ghê gớm:

“... Đương om sòm chớp giạt sấm ran,
Nghe xóc xách lại gió hoà mưa ngọt...”

Tiếng thơ của Nguyễn Công Trứ về đề tài này có yếu tố nhân dân.

3, Thơ Nguyễn Công Trứ đi cùng sự nghiệp kinh bang tế thế của ông. Nhà thơ có nói:

“ Dở dang với rượu khôn từ chén
Trót nợ cùng thơ phải chuốt lời”

Nhưng thực thì thơ Nguyễn Công Trứ nhiều câu đến mộc mạc, nôm na mà vẫn gây xúc động ...“ Trong thơ văn Nguyễn Công Trứ có một cái gì chưa từng có trong văn chương Việt Nam - một nguồn cảm hứng mau lẹ, quả quyết như một đội cảm tử. Cái thể ca trù nhờ phép thần của Nguyễn Công Trứ đã trở nên một thể cách hoàn toàn Việt Nam, rất thích hợp với những sự diễn xuất hùng mạnh... Tôi nhớ như có lần ông Huỳnh Thúc Kháng ví cái điệu thơ ấy với thủy triều, thật không phải là một lời nói vu vơ...” (Nhà thơ Lưu Trọng Lư).

Trong lịch sử văn học dân tộc, hiếm có một nhà thơ nào như Nguyễn Công Trứ vừa viết được những câu hát nói hào hùng:

“ Vòng trời đất dọc ngang, ngang dọc,
Nợ tang bồng vay trả trả vay.
Chí làm trai nam bắc đông tây
Cho phỉ sức vẫy vùng trong bốn bể ”

Đồng thời cũng viết được những câu hết sức khoan thai, có âm hưởng réo rắt:

“ Người ỷ ca réo rắt khúc cung thương,
Tiếng tiêu lẫn tiếng ca vang đáy nước.

Sực nhớ kẻ quày ngọn giáo vịnh câu thơ thuở trước,

Nghĩ sự đời mà cảm nỗi phù du.”

Nhiều bài thơ của ông dường như được cấu tạo bằng thành ngữ, tục ngữ, và nhà thơ cũng tư duy theo cách tư duy của thành ngữ, tục ngữ:

“ Một lung, một vốc, kém chi mô,

Mới biết chanh chua khế cũng chua;

Đã chắc bữa trưa chưa bữa tối,

Mà tham con diếc tiếc con rô...”

Đặc biệt trong bài Hàn Nho Phong vị Phú, những yếu tố ngôn ngữ nhân dân được nhà thơ sử dụng một cách tổng hợp hết sức linh hoạt.

Ban biên tập